***Ngày soạn: 15/03/2023***

**Chủ đề 11**

**GIAÙC QUAN**

**Tổng số tiết: 3; từ tiết 47 đến tiết 49**

**Giới thiệu chủ đề:** Thính giác, vị giác, thị giác, khứu giác và xúc giác là 5 giác quan của con người giúp chúng ta cảm nhận các kích thích của môi trường bên ngoài cơ thể. Giới hạn của các cơ quan cảm giác này chính là giới hạn của chính cơ thể con người. Chúng ta tìm hiểu rõ hơn vai trò của chúng qua chủ đề 11: **GIAÙC QUAN**

**I.Mục tiêu:**

**1. Kiến thức, kĩ năng, thái độ:**

**\*Kiến thức:**Học xong chủ đề này HS có thể:

- Liệt kê các thành phần của cơ quan phân tích bằng một sơ đồ phù hợp. Xác định rõ các thành phần đó trong cơ quan phân tích thị giác.

- Mô tả cấu tạo của mắt qua sơ đồ

- Hiểu rõ nguyên nhân tật cận thị, viễn thị và cách khắc phục.

- Phòng tránh các bệnh tật về mắt .

- Mô tả cấu tạo của tai .

- Trình bày chức năng thu nhận kích thích của sóng âm đơn giản.

- Phòng tránh các bệnh tật về tai.

**\*Kĩ năng:**

- Phát triển kỹ năng quan sát, phân tích kênh hình.

- Rèn luyện kỹ năng :Quan sát, nhận xét, liên hệ thực tế.

- Giáo dục kỹ năng sống :

+ Kỹ năng thu thập và xử lí thông tin khi đọc SGK và quan sát tranh để nhận biết được những thói quen xấu làm ảnh hưởng đến mắt – biện pháp bảo vệ mắt.

+ Kỹ năng hợp tác, lắng nghe, ứng xử/ giao tiếp trong khi thảo luận.

+ Kỹ năng tự tin khi trình bày ý kiến trước tổ nhóm lớp.

+ Kỹ năng tự nhận thức : nhận biết được những thói quen xấu làm ảnh hưởng đến mắt của bản thân.

+ Kỹ năng thu thập và xử lí thông tin khi đọc SGK và quan sát sơ đồ tai để tìm hiểu cấu tạo và chức năng của cơ quan phân tích thính giác.

**\*Thái độ:**

- Giáo dục ý thức bảo vệ mắt, ý thức vệ sinh phòng bệnh về mắt.

- Giáo dục ý thức giữ vệ sinh tai.

- Giáo dục BVMT : Giáo dục ý thức giữ vệ sinh môi trường , đặc biệt là giữ vệ sinh nguồn nước, không khí… phòng tránh ô nhiễm tiếng ồn, giữ cho môi trường yên tĩnh.

**2. Định hướng phát triển năng lực học sinh:**

- Năng lực tự học, hợp tác nhóm, giao tiếp

- Năng lực tìm kiến thức qua quan sát

- Năng lực vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề của bản thân và có biện pháp nâng cao sức khỏe của bản thần và người nhà cụ thể là bảo vệ tai, mắt

- Năng lực tư duy, nghiên cứu

- Năng lực gắn kết bản thân với môi trường sống xung quanh để thấy được môi trường có ảnh hưởng nhiều đến sức khỏe bản thân và mọi người.

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:**

**1.Giáo viên:** Chuẩn bị mô hình:

- Mô hình cầu mắt phải trong hốc mắt

- Mô hình cấu tạo tai.

- Phiếu học tập vf định hướng học sinh chuẩn bị ở nhà , thuyết trình trên lớp

**2. Học sinh:**

- Đọc trước bài và tự trả lời các câu hỏi định hướng sau:

1. Tế bào nón tiếp nhận các kích thích ánh sáng gì?

2. Tế bào que tiếp nhận các kích thích ánh sáng gì?

3. Điểm vàng là gì?

4. Lổ đồng tử hay con ngươi có chức năng gì?

- Tìm hiểu và hoàn thành phiếu sau: sau đó thuyết trình theo tổ:

+Tổ 1: Bệnh đau mắt hột

+Tổ 2: Bệnh đau mắt đỏ

+Tổ 3: Bệnh đục thuỷ tinh thể

+Tổ 4: Bệnh chắp, lẹo mắt

**Phiếu học tập**

|  |  |
| --- | --- |
| 1.Nguyên nhân |  |
| 2.Đường lây |  |
| 3.Triệu chứng |  |
| 4.Hậu quả |  |
| 5.Cách phòng tránh |  |

**III. Tiến trình dạy học:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động I: Tình huống xuất phát/khởi động** (Dự kiến thời lượng:10’)  **Mục tiêu hoạt động:** HS hình dung được mình chuẩn bị học kiến thức gì | | |
| **Nội dung phương thức tổ chức**  **hoạt động học tập của học sinh** | | **Dự kiến sản phẩm,**  **đánh giá kết quả hoạt động** |
| GV treo tranh:Yêu cầu HS nhận biết và gọi tên đúng 5 loại giác quan của con người  Nguyên tắc về năm giác quan của con người có nguồn gốc từ thời Hy Lạp cổ đại.  Các giác quan đều kết nối với não bộ. Và vị giác chính là lưỡi của chúng ta  - *Theo em giác quan nào là quan trọng nhất?*  Có thể nói, thị giác là giác quan quan trọng nhất, bởi cần đến 1/4 các nơron thần kinh não bộ để tiếp nhận và xử lý các thông tin hình ảnh. Chúng ta tìm hiểu về thị giác qua nội dung 1 | | HS quan sát tranh  **\*Dự kiến sản phẩm**:  Từ trái qua phải:  Xúc giác  Thị giác  Vị giác  Khứu giác  Thính giác  HS khác đánh giá sản phẩm của bạn  GV đánh giá sản phẩm của HS  HS trả lời tự do theo ý mình |
| **Hoạt động I: Hình thành kiến thức** (Dự kiến thời lượng:105’)  **(Kiểm tra thường xuyên 15’)** | | |
| **Nội dung 1**: **Cơ quan phân tích thị giác** (Dự kiến thời lượng: 35’)  **Mục tiêu hoạt động:**  -HS xác định được thành phần cấu tạo của cơ quan phân tích.  -HS xác định được thành phần cấu tạo của cơ quan phân tích thị giác; mô tả được cấu tạo cầu mắt | | |
| **Nội dung phương thức tổ chức**  **hoạt động học tập của học sinh** | | **Dự kiến sản phẩm,**  **đánh giá kết quả hoạt động** |
| ***I. Cơ quan phân tích:***  🏵GV yêu cầu HS nghiên cứu thông tin trong SGK rồi trả lời câu hỏi:  *- Một cơ quan phân tích gồm những thành phần nào?*  *- Ý nghĩa của cơ quan phân tích đối với cơ thể?*  *- Phân biệt cơ quan thụ cảm với cơ quan phân tích?*  GV lưu ý HS: Cơ quan thụ cảm tiếp nhận kích thích tác động lên cơ thể – là khâu đầu tiên của cơ quan phân tích.  ***II. Cơ quan phân tích thị giác***  🏵GV nêu câu hỏi:  - Cơ quan phân tích thị giác gồm những thành phần nào?  ***1. Cấu tạo của cầu mắt:***  \*GV cho HS xem mô hình, đối chiếu hình 49.1 49.2 SGK nhận biết các phần của cầu mắt  Cấu tạo mắt của con người  GV kiểm tra lại bằng cách chỉ các phần của cầu mắt và cho HS đọc tên  GV giải thích thêm:  +Màng cứng: bảo vệ cầu mắt  +Màng mạch: chứa mạch máu, nuôi dưỡng các tổ chức của cầu mắt  + Màng lưới: hứng ảnh mà ta nhìn thấy  + Môi trường trong suốt cho ánh sáng xuyên qua  ***2. Cấu tạo của màng lưới:***  GV yêu cầu HS đọc thông tin SGK, trả lời câu hỏi:  *-Tế bào nón tiếp nhận các kích thích ánh sáng gì?*  *-Tế bào que tiếp nhận các kích thích ánh sáng gì?*  *-Điểm vàng là gì?*  *-Điểm mù là gì*  GV bổ sung thêm: Số lượng tế bào nón nhiều nên ban ngày nhìn rõ hơn ban đêm  ***3. Sự tạo ảnh ở màng lưới:***  GV yêu cầu HS đọc thông tin SGK, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi:  *-Vì sao ở mắt có 1 hệ thống cơ quan trong suốt?*  *-Lổ đồng tử hay con ngươi có chức năng gì?*  *-Thể thủy tinh có chức năng gì?*  *-Vậy chúng ta thấy ảnh như thế nào?*  GV bổ sung:Hình ảnh sẽ tác động lên tế bào thụ cảm làm hưng phấn và truyền tới tế bào thần kinh thị giác, theo dây thần kinh về vùng thị giác và phân tích | | ***I. Cơ quan phân tích:***  🏵HS tự thu nhận thông tin trả lời câu hỏi và rút ra kết luận hoàn chỉnh kiến thức  ***Nội dung: Cơ quan phân tích gồm:***  ***+ Cơ quan thụ cảm.***  ***+ Dây TK***  ***+ Bộ phận phân tích ở TW (vùng TK ở đại não)***  ***- Ý nghĩa: giúp cơ thể nhận biết được tác động của môi trường.***  ***II. Cơ quan phân tích thị giác***  HS trả lời và hoàn thiện kiến thức  ***Nội dung: Cơ quan phân tích thị giác gồm :***  ***+ Cơ quan thụ cảm thị giác.***  ***+ Dây TK thị giác.***  ***+ Vùng thị giác.***  ***1. Cấu tạo của cầu mắt:***  HS biết cấu tạo của cầu mắt và rút ra kết luận  ***Nội dung: Cầu mắt có cấu tạo:***  ***- Màng bọc***  ***+Màng cứng: phía trước là màng giác.***  ***+Màng mạch: phía trước là lòng đen.***  ***+ Màng lưới: TB nón, TB que.***  ***- Môi trường trong suốt: thuỷ dịch*, *thể thuỷ tinh*, *dịch thuỷ tinh.***  ***2. Cấu tạo của màng lưới:***  HS đọc thông tin SGK trả lời câu hỏi  HS đánh giá sản phẩm của nhau  GV đánh giá sản phẩm của HS  HS hoàn thiện kiến thức  ***Nội dung:Màng lưới có cấu tạo:***  ***- Tế bào nón: tiếp nhận kích thích ánh sáng mạnh và màu sắc.***  ***- Tế bào que: tiếp nhận kích thích ánh sáng yếu.***  ***- Điểm vàng: là nơi tập trung tế bào nón.***  ***- Điểm mù: không có tế bào thụ cảm thị giác.***  ***3. Sự tạo ảnh ở màng lưới:***  HS đọc thông tin SGK, thảo luận nhómvà trả lời câu hỏi  ***\**Dự kiến sản phẩm**  -Cho ánh sáng xuyên qua  -Điều tiết ánh sáng vào mắt  -Giúp nhìn rõ vật ở xa hay ở gần  -Ảnh qua môi trường trong suốt rồi hiện lên màng lưới  HS đánh giá sản phẩm của nhau  GV đánh giá sản phẩm của HS  HS rút ra kiến thức  ***Nội dung:***  ***- Thể thuỷ tinh (như 1 thấu kính hội tụ) có khả năng điều tiết để nhìn rõ vật.***  ***- Ánh sáng phản chiếu từ vật qua môi trường trong suốt tới màng lưới tạo nên một ảnh thu nhỏ lộn ngược → kích thích TB thụ cảm → dây TK thị giác → vùng thị giác*** |
| **Nội sung 2:Vệ sinh mắt:** (Dự kiến thời lượng: 35’)  **Mục tiêu hoạt động:**  HS Tìm hiểu nguyên nhân, cách khắc phục các tật của mắt.  HS xác định cách phòng tránh bệnh về mắt. | | |
| **Nội dung phương thức tổ chức**  **hoạt động học tập của học sinh** | | **Dự kiến sản phẩm,**  **đánh giá kết quả hoạt động** |
| ***I. Các tật của mắt:***  GV treo tranh vẽ hình 50.1, 50.2, 50.3, 50.4  Yêu cầu HS quan sát, thảo luận, hoàn thành phiếu  E:\GA SƯƠNG\SƯƠNG GIÁO ÁN\Sinh 8\hình sinh 8\bai 50\Hinh 50.1.jpg  E:\GA SƯƠNG\SƯƠNG GIÁO ÁN\Sinh 8\hình sinh 8\bai 50\Hình 50.2.jpg      🏵GV nêu câu hỏi:  *- Thế nào là tật cận thị? Viễn thị?*  -GV hỏi:*Cận thị cũng là bệnh học đường. Trong sinh hoạt, học tập em phòng tránh như thế nào?*  ***2***.***Bệnh về mắt:***  🏵GV yêu cầu HS nghiên cứu thông tin và hoàn thành phiếu học tập, sau đó thuyết trình theo tổ:  +Tổ 1: Bệnh đau mắt hột  +Tổ 2: Bệnh đau mắt đỏ  +Tổ 3: Bệnh đục thuỷ tinh thể  +Tổ 4: Bệnh chắp, lẹo mắt   |  |  | | --- | --- | | **Nguyên nhân** |  | | **Đường lây** |  | | **Triệu chứng** |  | | **Hậu quả** |  | | **Cách phòng tránh** |  |   GV hoàn chỉnh kiến thức.  GV nêu thêm câu hỏi:  *- Ngoài ra còn có bệnh gì về mắt?*  *- Nêu các cách phòng tránh bệnh về mắt?*  **GV lồng ghép GDBVMT** : Mỗi người cần có ý thức giữ vệ sinh môi trường, đặc biệt là giữ vệ sinh nguồn nước, không khí…  **GV lồng ghép GD ứng phó với biến đổi khí hậu: *Giáo dục ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường, đặc biệt là giữ vệ sinh nguồn nước, không khí... Trồng cây xanh để giảm bụi bẩn, tăng cường sử dụng các phương tiện giao thông công cộng (xe bus) để giảm khí thải, dùng xăng sinh học thay thế xăng hóa học.*** | | ***I. Các tật của mắt:***  HS quan sát tranh vẽ hình 50.1, 50.2, 50.3, 50.4  HS thảo luận, hoàn thành phiếu  ***\**Dự kiến sản phẩm:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tật mắt** | **Nguyên nhân** | **Khắc phục** | | Cận thị | - Bẩm sinh: cầu mắt dài, thuỷ tinh thể quá phồng: do không giữ khoảng cách khi nhìn, đọc.. | - Đeo kính mặt lõm | | Viễn thị | - Bẩm sinh: cầu mắt ngắn, thuỷ tinh thể bị lão hoá (xẹp) | - Đeo kính mặt lồi |   Các nhóm trình bày sản phẩm và đánh giá lẫn nhau  GV đánh giá sản phẩm của HS  HS rút ra kiến thức  ***Nội dung:***  ***-Cận thị là tật mà mắt chỉ có khả năng nhìn gần do cầu mắt dài hoăc do thể thủy tinh quá phồng***  ***- Viễn thị là tật mà mắt chỉ có khả năng nhìn xa do cầu mắt ngắn hoặc do thể thủy tinh bị xẹp***  -Không xem điện thoại, đọc sách…với khoảng cách gần, thiếu ánh sáng  ***2***.***Bệnh về mắt:***  🏵HS tìm hiểu thông tin, liên hệ thực tế, hoàn thành phiếu học tập  HS thuyết trình theo tổ. HS khác đánh giá  GV đánh giá và hoàn thiện kiến thức. VD  ***Bệnh đau mắt hột***   |  |  | | --- | --- | | ***Nguyên nhân*** | ***- Do virút*** | | ***Đường lây*** | ***- Dùng chung khăn chậu với người bệnh***  ***- Tắm rửa trong nước ao tù*** | | ***Triệu chứng*** | ***- Mặt trong mí mắt có nhiều hột nổi cộm lên.*** | | ***Hậu quả*** | ***- Khi hột vỡ làm thành sẹo → lông quặm → đục màng giác → mù loà.*** | | ***Cách phòng tránh*** | ***- Giữ vệ sinh mắt***  ***- Dùng thuốc theo chỉ dẫn của bác sĩ.*** |   **\*Dự kiến sản phẩm**:  -Bệnh đau mắt đỏ, đục thủy tinh thể, viêm giác mạc…  HS rút ra kiến thức từ thực tế  ***Nội dung:***  ***\*Cách phòng tránh bệnh về mắt***  ***- Giữ mắt sạch sẽ.***  ***- Rửa mắt bằng nước muối loãng, nhỏ thuốc mắt.***  ***- Uống đủ vitamin.***  ***- Khi ra đường nên đeo kính.*** |
| **Nội dung 3:** **Cơ quan phân tích thính giác** (Dự kiến thời lượng: 35’)  **Mục tiêu hoạt động:**  -HS mô tả được các bộ phận của tai, trình bày được cấu tạo của cơ quan Coóc ti.  -HS biết được chức năng thu nhận sóng âm của tai.  -HS biết được cách vệ sinh và bảo vệ tai. | | |
| **Nội dung phương thức tổ chức**  **hoạt động học tập của học sinh** | | **Dự kiến sản phẩm,**  **đánh giá kết quả hoạt động** |
| ***I. Cấu tạo của tai:***  🏵GV treo tranh vẽ phóng to hình 51.1-Cấu tạo của tai:    GV hướng dẫn cho HS quan sát → yêu cầu HS  + Phân biệt tai ngoài, tai giữa, tai trong  + Nhận biết các bộ phận của tai trên mô hình   GV yêu cầu HS xác định lại trên mô hình tai các bộ phận và chức năng của chúng    *- Tai được cấu tạo như thế nào?*  GV bổ sung: Chức năng thứ 2 của tai là giữ thăng bằng cho cơ thể. Khi chúng ta thay đổi chuyển động trong không gian, hệ thống tiền đình ở tai trong ảnh hưởng tới sự chuyển động của mắt và vị trí cơ thể.  ***II. Chức năng thu nhận sóng âm:***  🏵GV yêu cầu HS tiếp tục quan sát mô hình tai để tìm hiểu đường truyền sóng âm từ ngoài vào trong.  Sau đó GV trình bày sự thu nhận cảm giác âm thanh.  ***III. Vệ sinh tai:***  🏵GV yêu cầu HS thảo luận theo kỹ thuật khăn trải bàn trả lời những câu hỏi:  *- Để tai hoạt động tốt cần lưu ý những vấn đề gì?*  *- Hãy nêu các biện pháp giữ vệ sinh và bảo vệ tai?*  **GV lồng ghép GDBVMT**:Cần giữ cho môi trường yên tĩnh tránh ô nhiễm tiếng ồn.  **GV lồng ghép GD ứng phó với biến đổi khí hậu: *Giáo dục ý thức phòng tránh ô nhiễm tiếng ồn, giữ cho môi trường yên tĩnh. Có ý thức trồng nhiều cây xanh để giảm tiếng ồn.*** | | ***I. Cấu tạo của tai:***  🏵HS quan sát tranh                  Cá nhân tự thực hiện.  HS xác định lại trên mô hình tai các bộ phận và chức năng của chúng  Các HS khác đánh giá bổ sung.  Gv đánh giá hoạt động các bạn  HS trả lời và rút ra kiến thức  ***Nội dung: Cấu tạo của tai:***  ***1. Tai ngoài:***  ***- Vành tai: hứng sóng âm.***  ***- Ống tai: hướng âm***  ***- Màng nhĩ: khuếch đại âm.***  ***2. Tai giữa:***  ***- Chuỗi xương tai: truyền sóng âm.***  ***- Vòi nhĩ: cân bằng áp suất 2 bên màng nhĩ.***  ***3. Tai trong:***  ***+ Bộ phận tiền đình và các ống bán khuyên:thu nhận thông tin về vị trí, sự chuyển động của cơ thể trong không gian***  ***+ Ốc tai: thu nhận kích thích sóng âm***    ***II. Chức năng thu nhận sóng âm:***  🏵HS quan sát mô hình tai để tìm hiểu đường truyền sóng âm từ ngoài vào trong.  1 HS trình bày lại trên mô hình.  HS khác đánh giá, bổ sung  GV đánh giá sản phẩm HS  HS rút ra kiến thức  ***Nội dung:Sóng âm vào tai làm rung màng nhĩ, truyền qua chuỗi xương tai, tác động lên tế bào thụ cảm thính giác làm xuất hiện xung thần kinh truyền về vùng thính giác ở TWTK cho ta nhận biết âm thanh***  ***III. Vệ sinh tai:***  🏵HS thảo luận theo kỹ thuật khăn trải bàn trả lời những câu hỏi  \***Dự kiến sản phẩm:**   |  | | --- | | Giữ vệ sinh tai  Không Không  ngoáy tai vỗ vào tai  ko nhỏ nước vào tai | | Ngoáy tai bằng tăm  Tránh bông Tránh  viêm họng viêm tiếng ồn, nghe viêm mũi nhạc lớn  Ngủ đủ giấc |   HS đánh giá sản phẩm của nhau  GV đánh giá sản phẩm của HS  HS rút ra kiến thức  ***Nội dung:Vệ sinh tai bằng cách***  ***- Giữ vệ sinh tai.***  ***- Bảo vệ tai:***  ***+ Không dùng vật sắc nhọn ngoáy tai.***  ***+ Giữ vệ sinh mũi họng để phòng bệnh cho tai.***  ***+ Có biện pháp chống, giảm tiếng ồn.*** |
| **Hoạt động III: Luyện tập** (Dự kiến thời lượng:12’)  **Mục tiêu hoạt động:** Giúp học sinh củng cố lại các kiến thức đã học | | |
| **Nội dung phương thức tổ chức**  **hoạt động học tập của học sinh** | **Dự kiến sản phẩm,**  **đánh giá kết quả hoạt động** | |
| GV cho HS làm bài tập:  ***Bài 1****:****Điền từ đúng hoặc sai vào các câu sau :***  *a) Cơ quan phân tích gồm: cơ quan thụ cảm thị giác, dây TK và bộ phận TW.*  *b) Các TB nón giúp chúng ta nhìn rõ về ban đêm.*  *c) Sự phân tích hình ảnh xảy ra ngay cơ quan thụ cảm thị giác.*  *d) Khi dọi đèn pin vào mắt thì đồng tử dãn rộng.*  *e) Ở động vật ăn đêm số lượng tế bào nón lớn hơn tế bào que.*  ***Bài 2:******Khoanh tròn chữ cái đầu câu trả lời đúng:***  ***Câu 1: Ngăn cách giữa tai ngoài và tai giữa là***  A. màng cơ sở.  B. màng tiền đình.  C. màng nhĩ.  D. màng cửa bầu dục.  ***Câu 2:Tai ngoài có vai trò gì đối với khả năng nghe của con người ?***  A. Hứng sóng âm và hướng sóng âm  B. Xử lí các kích thích về sóng âm  C. Thu nhận các thông tin về sự chuyển động của cơ thể trong không gian  D. Truyền sóng âm về não bộ  ***Câu 3. Viễn thị có thể phát sinh do nguyên nhân nào dưới đây ?***  1. Do cầu mắt quá dài  2. Do cầu mắt ngắn  3. Do thể thủy tinh bị lão hóa  4. Do thường xuyên nhìn vật với khoảng cách quá gần  A. 1, 2, 3 4 B. 2, 4  C. 1, 3 D. 2, 3  ***Câu 4. Đâu là nguyên nhân gây ra cận thị ?***  1. Do cầu mắt quá dài  2. Do cầu mắt ngắn  3. Do thể thủy tinh bị lão hóa  4. Do thường xuyên nhìn vật với khoảng cách quá gần  A. 1, 4 B. 2, 4  C. 1, 3 D. 2, 3  ***Câu 5. Việc giữ đúng tư thế và khoảng cách khi viết hay đọc sách giúp ta phòng ngừa được tật nào sau đây ?***  A. Mù màu B. Viễn thị  C. Cận thị D. Loạn thị  ***Câu 6. Để khắc phục tật viễn thị, ta cần đeo loại kính nào dưới đây ?***  A. Kính hiển vi B. Kính hội tụ  C. Kính viễn vọng D. Kính phân kì  ***Câu 7. Trong các bệnh về mắt, bệnh nào phổ biến nhất ở học sinh?***  A. Đau mắt đỏ  B. Đau mắt hột  C. Đục thủy tinh thể  D. Thoái hóa điểm vàng | HS làm bài tập:  **Bài 1**:   1. S      1. S 2. Đ      1. Đ 2. S   **Bài 2:**  1.C  2.A  3.D  4.A  5.C  6.B  7.A | |
| **Hoạt động IV: Vận dụng** (Dự kiến thời lượng: 8’)  **Mục tiêu hoạt động:** Mở rộng hiểu biết cho HS và vận dụng kiến thức đã học vào đời sống nhằm bảo vệ sức khỏe tốt hơn | | |
| **Nội dung phương thức tổ chức**  **hoạt động học tập của học sinh** | | **Dự kiến sản phẩm,**  **đánh giá kết quả hoạt động** |
| **Vậy viêm tai giữa là bệnh gì?**  – Bệnh viêm tai giữa là tình trạng **VIÊM NHIỄM** toàn bộ hệ thống hòm nhĩ và xương chũm (nằm ở sau màng nhĩ).  – Bệnh thường tạo ra dịch trong hòm nhĩ, dịch này có thể nhiễm trùng hoặc vô trùng.  – Ngoài ra, bệnh còn có khả năng viêm ở vòm mũi họng, thoái hóa đuôi cuốn mũi dưới dẫn đến tắc vòi nhĩ, do chấn thương áp lực gây thủng màng nhĩ, thậm chí xì mũi không đúng cách cũng gây viêm tai giữa.  – Nếu bị **viêm tai giữa** mà không có biện pháp chữa trị kịp thời hoặc để quá lâu, sẽ dẫn đến **viêm tai xương chũm cấp** rất nguy hiểm. Một khi bệnh phát nặng, dễ gây ra biến chứng **thủng màng nhĩ, giảm thính lực, xơ hóa màng nhĩ**, liệt thần kinh mặt. Nguy hiểm nhất là khi biến chứng xảy ra trong sọ não như **viêm màng não, áp xe não, áp xe ngoài màng cứng**… dễ gây tử vong ở trẻ.  **Nguyên nhân gây ra Bệnh Viêm Tai Giữa**  -Do bị **viêm nhiễm vùng mũi họng** gây ra bởi vi trùng hoặc siêu vi  -Do **tắc vòi nhĩ**  -Do viêm mũi xoang mủ, u ở vòm họng.  -Có trường hợp bị mắc bệnh do viêm nhiễm đường hô hấp, do bệnh lý trào ngược, dị nguyên hoặc không khí ô nhiễm, thời tiết lạnh cũng là những tác nhân gây viêm tai giữa hiện nay. Ngoài ra còn có một số nguyên nhác khác như:  **+ Đối với người lớn:**  -Mắc các bệnh đường hô hấp mãn tính như: viêm amidan, cúm,…  -Tiếp xúc với khói thuốc và sinh sống trong môi trường ô nhiễm.  -Trong khi tắm không cẳn thận để dầu gội, sữa tắm đi vào ống tai.  -Đeo tai nghe thường xuyên.  Tắc vòi nhĩ khiến dịch tiết ứ đọng trong ống tai.  **+ Đối với trẻ nhỏ:**  -Trẻ từ 6 – 18 tháng tuổi rất dễ mắc bệnh viêm tai giữa  -Do vòi nhĩ ngắn hơn, rộng hơn nên chất lỏng từ cổ họng và tai ngoài có chứa vi khuẩn dễ dàng đi qua ống vào tai giữa.  -Trẻ bị viêm đường hô hấp trên dễ khiến vòi nhĩ bị tắc nghẽn, sưng viêm dẫn đến các chất.  **CẦN ĐI BÁC SĨ KHI GẶP CÁC TRIỆU CHỨNG TRÊN** | | Hình ảnh của bệnh viêm tai giữa  Triệu chứng của bệnh viêm tai giữa  4 Biến chứng của bệnh viêm tai giữa |

**IV. Câu hỏi/Bài tập kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh**

**1.Bảng mô tả ma trận kiểm tra, đánh giá theo các mức độ nhận thức:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **Nội dung 1**  **Cơ quan phân tích thị giác** | Nhận biết chức năng thể thủy tinh | Giải thích mắt nhìn rõ vào ban ngày | Chứng minh chức năng đồng tử |  |
| **Nội dung 2**  **Vệ sinh mắt** | Mô tả tật cận thị, viễn thị. Gọi tên 1 số bệnh về mắt | Tóm tắt hậu quả của bệnh đau mắt hột và cách phòng tránh. Tác dụng kính lão | Suy luận đọc sách ở nơi thiếu ánh sáng, trên tàu xe bị xóc nhiễu sẽ có hại cho mắt |  |
| **Nội dung 3**  **Cơ quan phân tích thính giác** | Gọi tên cơ quan khuyếch đại âm | Dự đoán chức năng khác của tai | Suy luận sao viêm họng thường dễ dẫn đến viêm tai giữa | Lí giải được sao xác định âm phát ra bên phải hay trái |

***2.Câu hỏi/Bài tập:***

***\*Câu hỏi/Bài tập-Nhận biết:***

***Câu 1. Cơ quan điều tiết để mắt nhìn rõ vật là:***

A. Thể thủy tinh. B. Giác mạc. C. Lông mi. D. Tuyến lệ.

***Câu 2. Cận thị là:***

A. tật mà hai mắt nằm quá gần nhau.

B. tật mà mắt không có khả năng nhìn gần.

C. tật mà mắt chỉ có khả năng nhìn gần.

D. tật mà mắt chỉ có khả năng nhìn xa.

***Câu 3. Viễn thị thường gặp:***

A. thai nhi. B. trẻ em. C. người lớn tuổi. D. thanh niên.

***Câu 4. Để phòng ngừa các bệnh về mắt do vi sinh vật gây ra, chúng ta nên:***

A. Lau chung khăn mặt

B. Hạn chế tiếp xúc với nguồn bệnh

C. Hạn chế sờ tay lên mắt, dụi mắt

D. Nhỏ mắt thường xuyên bằng nước muối sinh lí 0,9%

***Câu 5. Bộ phận khuyếch đại âm thanh của tai là:***

A. Vành tai. B.Ống tai. C. Vòi nhĩ. D. Màng nhĩ.

***\*Câu hỏi/Bài tập-Thông hiểu***

***Câu 6****:**Vì sao mắt chúng ta nhìn ban ngày rõ hơn ban đêm?*

***Câu 7****:**Nêu rõ những hậu quả của bệnh đau mắt hột và cách phòng tránh*

***Câu 8****:Tại sao người già thường phải đeo kính lão*

***Câu 9****:Ngoài chức năng nghe, tai còn có chức năng nào khác?*

***\*Câu hỏi/Bài tập-Vận dụng***:

***Câu 10:****Vì sao nạn nhân bị tai nạn giao thông, khi đưa vô cấp cứu bác sĩ thường kiểm tra bằng cách soi đèn pin vào mắt để xem nạn nhân còn sống hay không?*

***Câu 11:*** *Tại sao không nên đọc sách ở nơi thiếu ánh sáng, trên tàu xe bị xóc nhiễu*

***Câu 12:****Vì sao trẻ bị viêm họng thường dễ dẫn đến viêm tai giữa ?*

***\*Câu hỏi/Bài tập-Vận dụng cao***:

***Câu 13:*** *Vì sao ta có thể xác định được âm phát ra từ bên phải hay bên trái*

***Dự kiến sản phẩm:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Câu*** | *1* | *2* | *3* | *4* | *5* |
| ***Đáp án*** | *A* | *C* | *C* | *A* | *D* |

***Câu 6****:**Mắt chúng ta nhìn ban ngày rõ hơn ban đêm vì số lượng tế bào nón ở ta nhiều hơn tế bào que, mà tế bào nón là tế bào thụ cảm thị giác**tiếp nhận kích thích ánh sáng mạnh và màu sắc, còn tế bào que tiếp nhận kích thích ánh sáng yếu.*

***Câu 7:****Hậu quả của bệnh đau mắt hột và cách phòng tránh:*

*- Người bị bệnh đau mắt hột, mặt trong mi mắt có nhiều hột nổi cộm lên, khi hột vỡ ra làm thành sẹo, co keo lớp trong mi mắt làm cho lông mi quặp vào trong (lông quặm), cọ xát làm đục màng giác dẫn tới mù lòa.*

*- Cách phòng tránh :*

*+ Thấy mắt ngứa, không được dụi tay bẩn, phải rửa bằng nước ấm pha muối loãng và nhỏ thuốc mắt.*

*+ Rửa mắt thường xuyên bằng nước muối loãng, không dùng chung khăn để tránh các bệnh về mắt.*

***Câu 8:***  *Người già thường bị viễn thị do thể thủy tinh bị lão hóa, mất tính đàn hồi, không phồng được. Muốn nhìn rõ vật phải đeo thêm kính lão (kính hội tụ).*

***Câu 9****:Ngoài chức năng nghe, tai còn có chức năng khác là giữ thăng bằng cho cơ thể. Khi chúng ta thay đổi chuyển động trong không gian, hệ thống tiền đình ở tai trong ảnh hưởng tới sự chuyển động của mắt và vị trí cơ thể.*

***Câu 10:*** *Nạn nhân bị tai nạn giao thông, khi đưa vô cấp cứu bác sĩ thường kiểm tra bằng cách soi đèn pin vào mắt để xem nạn nhân còn sống hay không vì khi bị rọi đền đồng tử sẽ co lại hạn chế ánh sáng đi vào mắt, lúc này nạn nhân còn sống. Khi rọi đèn mà đồng tử không co lại chứng tỏ không còn phản xạ với ánh sáng, chứng tỏ nạn nhân đã chết.*

***Câu 11:*** *Không nên đọc sách ở nơi thiếu ánh sáng, trên tàu xe bị xóc nhiễu vì: vì sẽ không giữ khoảng cách để đọc sách, sự điều tiết mắt không ổn định, làm thể thủy tinh luôn luôn phồng, dần sẽ mất khả năng dãn.*

***Câu 12:****Trẻ bị viêm họng thường dễ dẫn đến viêm tai giữa vì vi sinh vật gây viêm họng có thể theo vòi nhĩ tới khoang tai giữa và gây viêm tại vị trí này.*

***Câu 13:*** *ta có thể xác định được âm phát ra từ bên phải hay bên trái vì khi có âm thanh, chúng sẽ tác động lên không khí, làm không khí chuyển động dưới dạng sóng. Sóng lan truyền trong không khí và đến tai của ta, hai lỗ tai có hai màng nhĩ và hai màng nhĩ này tiếp nhận sóng từ không khí lan truyền tới. Nếu âm phát ra từ bên phải thì nó sẽ tác động lên tai ở bên phải trước. Tác động này sẽ được các noron thần kinh cảm nhận và truyền đến thần kinh trung ương. Ở đây sẽ phân tích âm truyền đến và truyền lại phản xạ cho các bộ phận cơ thể.*

***V. Phụ lục***

**Phiếu học tập: Các bệnh về mắt**

|  |  |
| --- | --- |
| -Nguyên nhân |  |
| -Đường lây |  |
| -Triệu chứng |  |
| -Hậu quả |  |
| -Cách phòng tránh |  |

***Ngày soạn: 26/03/2021***

**KIỂM TRA GIỮA KỲ II**

**Thời lượng thực hiện:45 phút**

**I. Mục tiêu:**

**1 Kiến thức, kỹ năng, thái độ :**

**\*Kiến thức:**Kiểm tra lại các kiến thức của HS thuộc các bài thực hành:

- Chủ đề 2: Vận động (Bài thực hành: Tập sơ cứu và băng bó cho người gãy xương)

- Chủ đề 3: Tuần hoàn (Bài thực hành: Sơ cứu cầm máu)

- Chủ đề 4: Hô hấp (Bài thực hành: Hô hấp nhân tạo)

- Chủ đề 6: Trao đổi chất và năng lượng (Bài thực hành: Phân tích 1 khẩu phần cho trước)

- Chủ đề 10: Thần kinh (Bài thực hành:Tìm hiểu chức năng của tủy sống)

**\*Kĩ năng :** Đánh giá các kỹ năng của HS:

- Kỹ năng nhận thức, năng lực sáng tạo, sự tư duy khác nhau.

- Kỹ năng học tập, ứng dụng kiến thức đã được học giải thích các hiện tượng thực tế.

-Vận dụng kiến thức trong việc giữ gìn sức khỏe, giúp đỡ bản thân, nạn nhân, người nhà không may gặp tai nạn

**\*Thái độ:**

- Giáo dục cho HS tính cẩn thận, nghiêm túc, tự giác và tự tin.

- Rút kinh nghiệm và cải tiến phương pháp học tập.

**2.** **Định hướng phát triển năng lực học sinh:**

- Năng lực làm chủ và phát triển bản thân: Năng lực tự học, năng lực tư duy, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản lý.

- Năng lực về công cụ lao động: năng lực sử dụng ngôn ngữ sinh học, năng lực tính toán, năng lực, sử dụng thành thạo các dụng cụ sơ cứu đơn giản nhất

**II.** **Bảng mô tả ma trận đề**:

**III**. **Đề kiểm tra:** (Trường cung cấp)

**IV**. **Đáp án và hướng dẫn chấm:** (Trường cung cấp)

**V. Thống kê kết quả:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Lớp** | **Sĩ số** | **Kém** | | **Yếu** | | **TB** | | **Khá** | | **Giỏi** | | **TB trở lên** | |
| 0.0 đến < 3.5 | | 3.5 đến < 5.0 | | 5.0 đến < 6.5 | | 6.5 đến < 8.0 | | 8.0 đến 10.0 | | 5.0 đến 10.0 | |
| SL | TL% | SL | TL% | SL | TL% | SL | TL% | SL | TL% | SL | TL% |
| 1 | 8A3 | 44 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | 8A4 | 44 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | 8A5 | 44 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**VI. Nhận xét, rút kinh nghiệm** :

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................